Giáo dục kĩ năng xã hội cho học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập cấp Tiểu học

Trần Thu Giang*[1], Mai Thị Phương[2], Nguyễn Thị Hằng[3]

* Tác giả liên hệ
[1] Email: giangtt@vnies.edu.vn
[2] Email: phuong.mt@vnies.edu.vn
[3] Email: hangnt@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: *Kĩ năng xã hội cũng cần thiết đối với học sinh cấp Tiểu học như kĩ năng đọc và viết cơ bản. Kĩ năng xã hội là tiền thân cực kì quan trọng để học sinh xây dựng mối quan hệ tích cực với các bạn cùng lứa tuổi ở trường. Bằng cách bồi dưỡng các kĩ năng xã hội phù hợp, học sinh sẽ có nhiều khả năng thích nghi tốt với nhiều môi trường khác nhau và có khả năng làm việc hợp tác, tự tin và độc lập tốt hơn bằng cách trải nghiệm thành công xã hội ngay từ khi còn nhỏ. Bài viết nêu lên ý nghĩa của giáo dục kĩ năng xã hội, những khó khăn về kĩ năng xã hội và đề xuất những nội dung và chiến lược cần quan tâm để giáo dục kĩ năng xã hội cho học sinh khuyết tật nhìn cấp Tiểu học.*

TỪ KHÓA: **Giáo dục hòa nhập, khuyết tật nhìn, kĩ năng xã hội, tiểu học.**

➔ Nhận bài 15/11/2023 ➔ Nhận bài đã chỉnh sửa 29/11/2023 ➔ Duyệt đăng 08/12/2023.

DOI: https://doi.org/10.15625/2615-8957/12320408

1. Đặt vấn đề

Học cách giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa nhập xã hội là một yếu tố quan trọng trong giáo dục đối với học sinh khuyết tật nhìn vì các kĩ năng xã hội có thể ảnh hưởng mạnh mẽ đến thành công trong việc làm và chất lượng cuộc sống ở tuổi trưởng thành. Học sinh khuyết tật nhìn theo học tại các trường tiểu học hòa nhập thường xuyên tiếp xúc với những học sinh không khuyết tật, nhưng sự khác biệt về thị giác của các em có thể tạo ra một số trở ngại trong việc kết nối và giao tiếp với người khác. Các em không có thông tin đầy đủ về các tương tác xã hội và thường phải nỗ lực nhiều hơn để theo kịp lớp học, các em có thể tập trung vào các nhiệm vụ học tập mà không xem xét ảnh hưởng của các kĩ năng xã hội đến khả năng đạt được các mục tiêu khác trong tương lai [1]. Do đó, việc giáo dục kĩ năng xã hội cho học sinh khuyết tật nhìn cấp Tiểu học là hoạt động quan trọng để hỗ trợ học sinh tham gia vào các hoạt động học tập tại trường, lớp và hòa nhập với bạn bè đồng trang lứa và những người khác trong cộng đồng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các khái niệm cơ bản

Khuyết tật nhìn: Trong bài viết này, thuật ngữ "Khuyết tật nhìn" và thuật ngữ "Khiếm thị" được sử dụng tương đồng theo định nghĩa trong các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam. *"Khuyết tật nhìn là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhìn và cảm nhận ánh sáng, màu sắc, hình ảnh, sự vật trong điều kiện ánh sáng và môi trường bình thường"* [2], [3].

Khiếm thị được chia làm hai dạng chính là "Nhìn kém" và "Mù" dựa trên mức độ thị lực và/ hoặc trường thị giác giảm dần cho đến mất hẳn khả năng nhìn [4].

Kĩ năng xã hội: Kĩ năng xã hội là một thuật ngữ chung tác động đến hầu hết mọi khía cạnh của cuộc sống hằng ngày. Năng lực kĩ năng xã hội được đo lường bằng cách thức và thời điểm học sinh sử dụng các kĩ năng giao tiếp bằng lời nói và giao tiếp phi lời nói theo các quy ước xã hội của một bối cảnh cụ thể. Những kĩ năng giao tiếp phi lời nói bao gồm: Tương tác mắt, biểu hiện của nét mặt, cử chỉ, tư thế, sự gần gũi, nghe, ăn mặc chỉnh tề và vệ sinh [5].

Học cách sử dụng những kĩ năng này là một quá trình kéo dài suốt đời, bao gồm việc liên tục hoàn thiện và điều chỉnh các kĩ năng phù hợp với kì vọng, con người và tình huống mà chúng ta gặp phải. Điều này có nghĩa là việc bắt đầu học các kĩ năng xã hội rất quan trọng đối với học sinh cấp Tiểu học.

2.2. Ý nghĩa của giáo dục kĩ năng xã hội

Kĩ năng xã hội cũng cần thiết đối với học sinh cấp Tiểu học như kĩ năng đọc và viết cơ bản. Việc tiếp thu kĩ năng xã hội là phương tiện được ưu tiên để thúc đẩy việc học tập, cảm giác thân thuộc và được chấp nhận, sức khỏe tâm lí và quan niệm tích cực về bản thân. Kĩ năng xã hội là tiền thân rất quan trọng để học sinh xây dựng mối quan hệ tích cực với các bạn cùng lứa tuổi ở trường. Nhiều nhà nghiên cứu nhấn mạnh tình bạn là nguồn lực cảm xúc và nhận thức giúp thúc đẩy hạnh phúc. Ví dụ về một số phản ứng cảm xúc thông thường

hàng ngày mà tình bạn mang lại bao gồm "Tôi nghĩ bạn đã làm rất tốt"; "Tôi hiểu cảm giác của bạn", "Bạn có thể đi chơi với chúng tôi trong giờ ăn trưa". Ví dụ về phản ứng nhận thức mà tình bạn mang lại bao gồm "Tôi có thể giúp bạn giải đáp câu hỏi đó", "Đây là một cách khác để làm việc này", "Bạn có thể nói với cô ấy theo cách này",… [5].

Khi tương tác xã hội với người khác trong nhiều môi trường khác nhau, giao tiếp phi lời nói được sử dụng cùng với giao tiếp bằng lời nói của chúng ta để thực hiện những việc như: Chào người khác, thu hút sự chú ý, yêu cầu giúp đỡ, có một cuộc trò chuyện, chia sẻ truyện cười, tham gia vào một nhóm, hợp tác làm việc, đối phó với xung đột, kết bạn, hiểu và thể hiện cảm xúc, thương lượng, giao tiếp một cách quyết đoán, đối phó với sự trêu chọc, bắt nạt,… [5].

Nếu không có các kĩ năng xã hội phù hợp, học sinh có thể trải nghiệm một hoặc tất cả những điều sau đây: Sự từ chối của xã hội, sự thất bại, cách li xã hội, lo lắng khi phải tiếp xúc với người khác, khái niệm bản thân tiêu cực (tức là hình ảnh bản thân kém, lòng tự trọng thấp và hạ thấp giá trị bản thân), thiếu tự tin, thành tích học tập hạn chế, nhàm chán, có nguy cơ phát triển các vấn đề về sức khỏe tâm thần (ví dụ như trầm cảm)… [5].

Tình bạn đồng trang lứa của học sinh như những khuôn mẫu để các em xây dựng các mối quan hệ tiếp theo ngoài môi trường học đường và khi trưởng thành. Kĩ năng xã hội là nền tảng để hòa nhập tốt hơn vào xã hội và sau đó là tìm kiếm và duy trì việc làm. Vì vậy, thời điểm chiến lược để can thiệp trực tiếp vào trẻ và thời điểm tối ưu để phát huy năng lực xã hội là ngay từ khi trẻ còn nhỏ. Bằng cách bồi dưỡng các kĩ năng xã hội phù hợp, học sinh sẽ có nhiều khả năng thích nghi tốt với nhiều môi trường khác nhau và có khả năng làm việc hợp tác, tự tin và độc lập tốt hơn bằng cách trải nghiệm thành công xã hội ngay từ khi còn nhỏ [6][7].

2.3. Những khó khăn của học sinh khuyết tật nhìn về kĩ năng xã hội

Cho dù có bị suy giảm thị lực hay không thì tất cả trẻ em đều phải tham gia vào các tương tác xã hội phù hợp để đảm bảo sự phát triển xã hội, cảm xúc, nhận thức và học tập phù hợp. Tuy nhiên, các kĩ năng xã hội khó khăn hơn đối với học sinh khuyết tật nhìn so với các bạn cùng trang lứa không bị suy giảm thị lực. Việc học sinh khuyết tật nhìn được đi học tại các trường tiểu học hòa nhập là chưa đủ. Nếu không nhận được sự hỗ trợ, học sinh khuyết tật nhìn khó có thể tương tác hiệu quả với bạn bè và những người khác. Giáo viên cần làm tất cả trong khả năng của mình để thúc đẩy sự chấp nhận của bạn bè đối với học sinh khuyết tật nhìn.

Hầu hết các kĩ năng mà học sinh sáng mắt sử dụng trong các tương tác xã hội hằng ngày đều được học thông qua việc quan sát người khác và bằng cách bắt chước hoặc làm mẫu hành vi của họ, sau đó điều chỉnh hành vi đó cho phù hợp với phong cách tương tác của bản thân. Ví dụ, một học sinh học cách sử dụng cả giao tiếp bằng lời nói và giao tiếp phi lời nói khi chào hỏi người lớn hoặc bạn bè bằng cách quan sát những người khác trong môi trường xung quanh. Những kĩ năng được quan sát này sau đó được điều chỉnh phù hợp với phong cách tương tác của học sinh [5]. Hai thuật ngữ trên được giải thích như sau:

Giao tiếp bằng lời nói - Học sinh chọn cách chào phù hợp, tùy thuộc vào người đang nói chuyện, thời gian và địa điểm. Ví dụ, ở trường khi chào giáo viên, học sinh có thể nói "Con chào cô Hoa", trong khi nếu chào một người bạn thân thì có nói "Hi, Lan".

Giao tiếp phi lời nói - Sử dụng đúng từ ngữ là chưa đủ. Điều quan trọng là các từ được nói đúng cách để giao tiếp phi lời nói phù hợp với lời nói. Kĩ năng này bao gồm việc sử dụng tương tác mắt phù hợp (nhìn vào người đang nói); biểu hiện của nét mặt (mỉm cười); sự gần gũi (đứng ở một khoảng cách thích hợp với giáo viên); tư thế (có tư thế để thể hiện sự quan tâm); giọng nói (sử dụng giọng nói có thể nghe được); tay (đập tay với bạn bè).

Giao tiếp không chỉ là sử dụng âm thanh, từ ngữ và cấu trúc câu thích hợp để diễn đạt một thông điệp cụ thể. Đó là về việc biết cách thức và thời điểm truyền đạt thông điệp một cách phù hợp theo quy ước xã hội [5].

Khi một học sinh bị suy giảm thị lực, khả năng tiếp cận thông tin cơ bản về và thông qua môi trường của em đó sẽ bị ảnh hưởng. Một trong những hạn chế do suy giảm thị lực gây ra là khả năng tiếp cận các mô hình trực quan làm cơ sở cho việc phát triển các kĩ năng xã hội. Một hạn chế khác liên quan đến độ chính xác của thông tin đầu vào nhận được từ các giác quan. Ví dụ, những khó khăn trong việc nhận biết và diễn giải ngôn ngữ cơ thể, cử chỉ và nét mặt của người đang giao tiếp có thể dẫn đến hiểu lầm và làm cho các sắc thái xã hội trở nên khó khăn hoặc trong một số trường hợp nhất định là không thể diễn giải được. Do đó, điều quan trọng là học sinh khuyết tật nhìn phải được đào tạo kĩ năng xã hội để học cách: cư xử theo cách được xã hội chấp nhận và học cách tương tác với người khác [5],[8].

2.4. Các nội dung giáo dục kĩ năng xã hội

Bảng sau đây tổng hợp các nội dung giáo dục kĩ năng xã hội cần xem xét theo các tài liệu của Wolffe, Sacks và Thomas (2000) và tài liệu của Wolffe và Sacks (2000) [6],[7]:

Nội dung	Hành vi cần xem xét
Giao tiếp phi lời nói	**Cử chỉ:** Học sinh có sử dụng cử chỉ để nhấn mạnh hoặc truyền tải thông điệp như vẫy tay; gật đầu/lắc đầu để biểu thị "có" hoặc "không"; chỉ trỏ; nhún vai; bắt tay; ôm/hôn phù hợp; và che miệng khi ngáp? **Tương tác mắt:** Học sinh có hướng cơ thể mình về phía người đang nói chuyện? Nhìn về phía mặt người đang nói chuyện? **Nét mặt:** Nét mặt của học sinh có phù hợp với thông điệp không (Ví dụ: có vẻ hào hứng khi nói về cuộc thi mà các em vừa giành chiến thắng)? **Tư thế:** Tư thế của học sinh có thể hiện sự quan tâm hay không quan tâm đến người khác? **Sự gần gũi:** Khoảng cách của học sinh với người đang nói chuyện gần gũi ở mức như thế nào? **Nghe:** Học sinh có chú ý đầy đủ đến người đang nói? Học sinh có ngắt lời người nói? Học sinh có đưa ra nhận xét về điều người nói đang nói? (Ví dụ: nêu câu hỏi, lặp lại từ)? **Ăn mặc chỉnh tề và vệ sinh:** Học sinh có mặc trang phục phù hợp? Học sinh có ăn mặc đúng cách? Ngoại hình của học sinh có phù hợp với hoàn cảnh không? **Giọng nói:** Giọng nói đó có nghe được không? Giọng có quá nhỏ hay quá to?
Cảm xúc	**Xác định cảm xúc ở người khác:** Học sinh có thể nhận biết và xác định cảm xúc bằng cách đọc ngôn ngữ cơ thể và/hoặc giọng nói của người đó không? Có thể gọi tên những cảm xúc mà người khác đang trải qua chẳng hạn như bằng cách cảm nhận khi người khác tức giận bằng giọng nói? **Xác định cảm xúc của bản thân:** Học sinh có thể mô tả cảm xúc cá nhân không? Dán nhãn cảm xúc? Thảo luận về cảm xúc? (Ví dụ: nói "Em cảm thấy tức giận")? **Hiểu các yếu tố kích hoạt:** Học sinh có thể xác định những điều có thể kích hoạt cảm xúc ở bản thân và người khác? (Ví dụ: "Con cảm thấy tức giận khi ai đó lấy đồ của con mà không hỏi hoặc ai đó đột nhiên chạm vào con")? **Thể hiện cảm xúc một cách phù hợp:** Học sinh có thể thể hiện cảm xúc theo những cách phù hợp? Xác định và hiểu nhận thức, ý tưởng và cảm xúc của người khác và truyền đạt sự hiểu biết đó thông qua phản ứng thích hợp? (Ví dụ: Ban đầu khi học sinh tức giận, học sinh sẽ đánh người gây ra sự tức giận của mình; tuy nhiên, sau khi nhận được hướng dẫn cụ thể về cách đối phó với cảm xúc của mình một cách hiệu quả, học sinh sẽ: 1) Dừng lại; 2) Hít thở sâu; 3) Thư giãn; 4) Giải quyết vấn đề khi bình tĩnh hơn). **Xử lí tình huống:** Học sinh có thể đưa ra quyết định ở các tình huống theo cách hiệu quả không? (Ví dụ: Khi không chắc chắn về cách giải quyết một tình huống, học sinh cần giữ tinh thần thoải mái và tìm giáo viên hoặc bạn bè để giúp mình nghĩ ra giải pháp hiệu quả.)
Hội thoại	**Quản lí chủ đề:** Học sinh có thể bắt đầu chủ đề không? Duy trì, xây dựng và mở rộng các chủ đề một cách thích hợp? Kết thúc chủ đề một cách thích hợp? Thay đổi chủ đề phù hợp? **Nội dung:** Nội dung có phù hợp và liên quan với tình huống không? Học sinh trò chuyện với người khác để tìm hiểu thêm về họ hay chỉ nói về bản thân mình? Có nhận thức về ranh giới xã hội hay học sinh thường xuyên thảo luận về những điều không phù hợp? **Luân phiên:** Học sinh có thể luân phiên với vai trò là người nghe và người nói trong hội thoại? **Yêu cầu làm rõ:** Học sinh có yêu cầu giải thích thông tin khi thông tin đó không rõ ràng?
Nghi thức xã hội	**Phép lịch sự xã hội:** Học sinh có sử dụng phép lịch sự xã hội một cách thích hợp (Ví dụ: Làm ơn, Cảm ơn và Xin lỗi)? **Tình huống cụ thể:** Học sinh có sử dụng ngôn ngữ phù hợp theo thời gian? Địa điểm? Đối tượng? Các hành vi có phù hợp với một tình huống cụ thể (Ví dụ: Ở trong một nhà hàng)? Học sinh có biết những hành vi nào là riêng tư như gãi, lắc lư, gõ nhịp,…?
Chơi	**Sân chơi:** HS có biết chơi ở đâu và chơi trò chơi nào ngoài trường học? Làm thế nào để sử dụng thiết bị sân chơi? Học sinh chơi với người khác hay chơi một mình? **Trò chơi:** Học sinh có biết chơi trò chơi như thế nào và khi nào không? Thiết bị cần thiết? Luật chơi? Chơi trò chơi này ở đâu và với ai? Làm thế nào để chia sẻ?
Kết bạn	Học sinh có biết cách tiếp cận bạn bè đồng trang lứa? Làm thế nào để kết bạn? Giữ bạn bè? Là một người bạn tốt? Thay đổi bạn bè?

Nội dung	Hành vi cần xem xét
Mối quan hệ	**Các mối quan hệ khác nhau:** Học sinh có hiểu các loại mối quan hệ khác nhau (ví dụ: gia đình, tình bạn hoặc người sử dụng lao động/nhân viên)? Thể hiện mức độ tình cảm phù hợp tùy theo mối quan hệ với người kia?
Điện thoại	Học sinh có quen thuộc với các bộ phận khác nhau của điện thoại? Làm thế nào để gọi điện thoại? Làm thế nào để trả lời điện thoại và nhận tin nhắn? Liên hệ với ai trong trường hợp khẩn cấp? Làm thế nào để tiếp tục cuộc trò chuyện qua điện thoại với bạn bè?
Giải trí	**Trong trường:** Học sinh có biết các hoạt động giải trí có sẵn trong thời gian rảnh? Trò chơi và thiết bị được đặt hoặc lưu trữ ở đâu? Làm thế nào để sử dụng các thiết bị một cách hợp lí và độc lập? Học sinh có cần tổ chức các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi? **Ngoài giờ học:** Học sinh có sở thích hay sở thích sáng tạo nào ở nhà? Biết nơi để có được thông tin về các hoạt động giải trí tiềm năng (ví dụ: thư viện địa phương, các hiệp hội dành cho người khiếm thị, các trung tâm tại địa phương)? Biết những thông tin chi tiết nào cần hỏi khi liên hệ với các trung tâm giải trí (Ví dụ: đường ray dẫn hướng trong sân chơi bowling, mô tả bằng âm thanh cho các sự kiện thể thao và văn hóa)?
Di chuyển độc lập	Học sinh có thể cho tài xế xe buýt hoặc taxi biết điểm đến của mình? Có thể yêu cầu tài xế cho biết khi nào đến đích? Học sinh có biết cách yêu cầu giúp đỡ? Biết hỏi đường? Học sinh có thể tiếp cận môi trường một cách độc lập? Có thể nhờ bạn bè hoặc người quen dẫn đường một cách chính xác và phù hợp không?
Nói về vấn đề khiếm thị	Học sinh có thể thông báo cho người khác về tình trạng suy giảm thị lực của mình? Ảnh hưởng của vấn đề đó? Những điều chỉnh mà người khác có thể cần thực hiện để hỗ trợ? Học sinh có thoải mái khi trả lời các câu hỏi của bạn bè như *Bạn nhìn thấy gì không?* hoặc *Không thể nhìn thấy sẽ như thế nào?* Học sinh có báo cho giáo viên biết khi bị ảnh hưởng bởi những điều gây xao nhãng trong học tập như ánh sáng chói trên bảng đen hoặc không thể đọc được vì khoảng cách quá xa?
Giải quyết xung đột	Học sinh có thể xác định các tình huống có thể gây ra xung đột? Học sinh có biết thảo luận những xung đột với người khác? Học sinh có thể cung cấp thông tin liên quan về tình huống gây ra xung đột (*Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? Như thế nào? Tại sao?*)? Nghĩ ra giải pháp và xác định giải pháp tốt nhất? Có kĩ năng giải quyết xung đột? Biết làm sao để tình trạng đó không tái diễn?
Ăn uống	**Trong trường học:** Học sinh có biết hoặc có thể yêu cầu hỗ trợ về: Xác định vị trí của căng-tin, quầy bán đồ ăn, máy bán nước tự động… Tìm bàn để ngồi? Định vị thức ăn trên đĩa? Dùng gia vị? Uống bằng cốc/li? Sử dụng nghi thức ăn uống phù hợp? **Bên ngoài trường học:** Học sinh có biết hoặc có thể yêu cầu hỗ trợ về: Đọc những gì trên menu? Gọi món? Trả tiền cho món ăn của mình? Tìm bàn để ngồi? Định vị thức ăn trên đĩa? Dùng gia vị? Uống từ cốc/li? Lấy đồ ăn từ khay đồ ăn chung? Sử dụng nghi thức ăn uống phù hợp?

2.5. Chiến lược dạy kĩ năng xã hội

Khi giáo viên đã xác định được các kĩ năng xã hội sẽ mang lại lợi ích cho học sinh, giáo viên có thể dạy kĩ năng xã hội cho học sinh khuyết tật nhìn theo các bước được trình bày dưới đây [5].

Bước 1: Đưa ra lí do căn bản. Giúp học sinh hiểu kĩ năng cần học là kĩ năng gì và tại sao lại hữu ích. Giáo viên có thể mời một người lớn bị mù hoặc có thị lực kém làm gương bằng cách thảo luận và thể hiện các kĩ năng xã hội hiệu quả cũng như trả lời các câu hỏi của học sinh [5].

Bước 2: Cung cấp việc làm mẫu. Đưa ra mô tả bằng lời nói về những người liên quan đến tình huống, hành động và cách phản ứng của họ. Khuyến khích học sinh xem xét các tín hiệu xã hội. Ví dụ: có thể thu được rất nhiều thông tin bằng cách lắng nghe sự thay đổi về âm lượng, cao độ và nhịp điệu của giọng nói. Thông qua việc đối thoại như vậy, học sinh không chỉ nghe và/hoặc

xem nội dung mà còn trả lời các câu hỏi, chia sẻ quan sát, bày tỏ ý tưởng và quan điểm. Khuyến khích phản hồi là cách quan trọng để chuyển đổi trải nghiệm thành trải nghiệm học tập thực sự, qua đối thoại như vậy sẽ thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc hơn [5].

Bước 3: Hướng dẫn thực hành. Tạo cơ hội cho học sinh thực hành, luyện tập các kĩ năng trong các tình huống được sắp xếp mô phỏng tình huống thực tế. Cung cấp cho học sinh nhiều cơ hội để thực hành kĩ năng trong các nhóm nhỏ, có tổ chức, với các bạn cùng tuổi trong một môi trường thoải mái, vui vẻ và hỗ trợ. Ban đầu, giáo viên có thể yêu cầu học sinh khuyết tật nhìn thực hành những kĩ năng này với người lớn (giáo viên, nhân viên trong trường, phụ huynh) và sau đó tiến hành thực hành với các bạn cùng lứa. Thông qua các tình huống thực hành đóng vai, giáo viên có thể đưa ra phản hồi tích cực và mang tính xây dựng để định hình hành vi của học sinh. Giáo viên có thể khuyến khích các bạn sáng mắt giúp học sinh khuyết tật nhìn tham gia vào các trải nghiệm xã hội suốt cả ngày [5].

Bước 4: Dạy cách tự điều chỉnh. Tự điều chỉnh là khả năng đánh giá hành vi, cảm xúc của bản thân về mức độ phù hợp với tình huống cụ thể để có những điều chỉnh cho phù hợp. Tự điều chỉnh bao gồm các kĩ năng như giám sát, đánh giá, quản lí và củng cố bản thân. Tự giám sát liên quan đến việc tiến hành đánh giá hành vi của chính mình là phù hợp hay không phù hợp. Học sinh khuyết tật nhìn thường gặp khó khăn trong việc diễn giải ngôn ngữ cơ thể và theo dõi hành vi của chính mình trong các tình huống xã hội. Ban đầu, giáo viên cần hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn nâng cao nhận thức về hành vi của bản thân. Điều quan trọng là khuyến khích học sinh tự đánh giá việc thực hiện kĩ năng và nghĩ ra các chiến lược để thực hiện được trong các tình huống khác nhau. Quá trình này giúp học sinh thúc đẩy việc duy trì và phát triển kĩ năng thông qua việc tự giám sát. Các chiến lược như ghi âm, ghi video, đóng vai các tình huống xã hội và sử dụng các câu chuyện cá nhân có thể thúc đẩy tư duy, tự đánh giá và lập kế hoạch của học sinh [5].

Bước 5: Thúc đẩy tính phổ quát. Phổ quát là một tiêu chuẩn quan trọng mà qua đó hiệu quả của các kĩ năng và chiến lược có thể được đánh giá một cách không chính thức về mức độ học sinh có thể áp dụng các kĩ năng được dạy vào môi trường sống hàng ngày của mình. Vấn đề phổ quát hóa cần được xem xét ngay từ đầu và trở thành một phần của chương trình giảng dạy kĩ năng xã hội. Điều quan trọng là tạo cơ hội cho học sinh sử dụng các kĩ năng xã hội mới học được trong nhiều môi trường khác nhau và với những người khác nhau. Sự hỗ trợ từ phụ huynh cũng rất có giá trị để đảm bảo tính phổ quát, vì họ có thể tổ chức và/hoặc quan sát các hoạt động tại nhà và cộng đồng, khi đó học sinh được yêu cầu sử dụng những kĩ năng đã học [5].

Kelelis, Sacks và Wolffe (2000) đã gợi ý rằng, không có bài học "làm thế nào" dễ dàng để dạy các kĩ năng xã hội. Tuy nhiên, mỗi ngày cha mẹ và giáo viên có thể dùng tình huống thực tế để giúp học sinh khuyết tật nhìn học các kĩ năng xã hội [9].

Điều quan trọng phải nhấn mạnh lại là sự phát triển năng lực xã hội và các mối quan hệ bạn bè không thể phó mặc cho cơ hội, đặc biệt nếu trong lớp có một học sinh bị mù hoặc nhìn kém. Wolffe, Thomas và Sacks (2000) khẳng định rằng, kĩ năng giao tiếp tốt không thể phát triển chỉ sau một đêm, cần phải thực hành trong nhiều môi trường xã hội khác nhau để học cách trở thành một người giao tiếp hiệu quả và thể hiện các kĩ năng xã hội tốt [6].

Để phát triển các kĩ năng xã hội tốt, trước tiên học sinh cần có nhiều cơ hội để thực hành những kĩ năng này trong tình huống cụ thể. Học sinh càng có nhiều cơ hội thực hành và giao tiếp với đa dạng hình thức ngôn ngữ thì các kĩ năng xã hội sẽ càng trở nên linh hoạt và tinh vi hơn. Do đó, điều quan trọng là giáo viên không chỉ tập trung vào học sinh mà còn phải xem xét môi trường xã hội. Cách những người khác phản ứng và tương tác hoặc không tương tác với học sinh có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển các kĩ năng xã hội của học sinh đó [6],[7].

3. Kết luận

Suy giảm thị lực khiến việc hòa nhập xã hội trở nên phức tạp hơn vì học sinh khuyết tật nhìn có thể không tiếp cận được thông tin có thể xác minh cảm xúc và phản ứng của người khác. Tuy nhiên, với phản hồi và thực hành phù hợp, những học sinh này có thể có các kĩ năng xã hội phù hợp và thoải mái trong các tương tác xã hội như các bạn cùng trang lứa sáng mắt. Học sinh khuyết tật nhìn thể hiện mối quan tâm xã hội đa dạng như những học sinh khác. Ở cấp Tiểu học, học sinh khuyết tật nhìn cần học cách thể hiện cảm xúc phù hợp, hình thành phản ứng phù hợp để đáp lại người khác và xây dựng tình bạn đồng trang lứa.

Lời cảm ơn: *Bài viết là sản phẩm của đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ: "Nghiên cứu phát triển Chương trình Giáo dục tiểu học dành cho học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập dựa trên Chương trình Giáo dục phổ thông 2018", mã số B2022-VKG-14.*

Tài liệu tham khảo

[1] Sacks, S., & Wolffe, K. E., (2006), *Teaching social skills to students with visual impairments: From theory to practice*, American Foundation for the Blind.

[2] Luật Người khuyết tật 2010.

[3] Nghị định số 28/2012/NĐ-CP của Chính phủ: *Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.*

[4] Nguyễn Đức Minh, (2008), *Giáo dục trẻ khiếm thị*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[5] Bhargava, D., (2021), *Vision impairment and Social Skills*, Trinity University.

[6] Wolffe, K. E., Sacks, S. Z. & Thomas, K. L., (2000), *Focused on: Importance and need for social skills*, American Foundation for the Blind.

[7] Wolffe, K. E., & Sacks, S. Z., (2000), *Focused on: Teaching social skills to visually impaired elementary students*, American Foundation for the Blind.

[8] Demir, F. E., & Ozdemir, S., (2016), *A comparison of social skills of students with visual impairments and typically developing students*, International E-Journal of Advances in Education, 2(4), 85-94.

[9] Kelelis, L. S., Sacks, S. Z., Wolffe, K. E., (2000), *Focused on: Teaching social skills to visually impaired preschoolers,* American Foundation for the Blind.

SOCIAL SKILLS EDUCATION FOR STUDENTS WITH VISION DISABILITIES LEARNING INCLUSIVELY AT THE PRIMARY LEVEL

Tran Thu Giang*[1], Mai Thi Phuong[2], Nguyen Thi Hang[3]

* Corresponding author
[1] Email: giangtt@vnies.edu.vn
[2] Email: phuong.mt@vnies.edu.vn
[3] Email: hangnt@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao street, Hoan Kiem district,
Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *Social skills are as essential for primairy school students as basic reading and writing skills. Social skills are extremely important precursors for students to build positive relationships with their peers at school. By fostering appropriate social skills, students will be more likely to adapt well to a variety of environments and be better able to work collaboratively, confidently and independently by experiencing society success from an early age. The paper highlights the meaning of social skills education, difficulties in social skills, and proposes contents and strategies that need attention to educate social skills for students with vision disabilities learning inclusively at the primary level.*

KEYWORDS: **Inclusive education, primary schools, social skills, vision disabilities.**